

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN U MINH  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **42/2020/HNGĐ-ST**  
Ngày 30-6-2020  
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Dương Minh Út

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Huỳnh Hữu Đoàn

Ông Lâm Hữu Đoàn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Mộng Chi là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 30 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Lâm Thị Mỹ L, sinh năm 1998 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp L, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

**- Bị đơn:** Anh Nguyễn Tiến L, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp 8, xã K, huyện M, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 06-01-2020 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lâm Thị Mỹ L trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Tiến L tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức đám cưới vào năm 2016 nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, không có sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Tiến L.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Lâm Thiên D, sinh ngày 21/12/2017 hiện do chị nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn chị yêu cầu nuôi con, không yêu cầu anh L cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn đúng theo quy định pháp luật nhưng anh Nguyễn Tiến L không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị Lâm Thị Mỹ L và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Tiến L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ các khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh L.

[2] Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện U Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Chị Lâm Thị Mỹ L và anh Nguyễn Tiến L tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2016. Tuy chị L và anh L xác lập quan hệ hôn nhân trên tinh thần tự nguyện và có đủ điều kiện kết hôn theo quy định Luật Hôn nhân và gia đình nhưng trong quá trình chung sống, đến thời điểm yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn không có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh L không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ, chồng theo quy định tại Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Về nuôi con chung: Chị L và anh L có 01 người con chung tên Nguyễn Lâm Thiên D (nữ) sinh ngày 21/12/2017, hiện đang sống chung với chị L. Xét thấy con chung dưới 36 tháng tuổi đang được chị L nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Nguyễn Lâm Thiên D cho chị L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Chị L không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị L trình bày là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, đối với anh L không có văn bản thể hiện ý kiến nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí sơ thẩm: Chị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 7 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 14, 51, 53, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

### **Tuyên xử:**

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Lâm Thị Mỹ L và anh Nguyễn Tiến L là vợ chồng.

- Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Lâm Thiên D (nữ), sinh ngày 21/12/2017 cho chị Lâm Thị Mỹ L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Tiến L không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về án phí: Chị Lâm Thị Mỹ L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng. Chị Lâm Thị Mỹ L đã nộp tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số 0004793 ngày 17/01/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Chị Lâm Thị Mỹ L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Tiến L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết công khai bản án.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Dương Minh Út**